

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

Hiện nay, chương trình đào tạo CLC ngành Luật kinh tế chỉ tuyển sinh hệ chính quy văn bằng thứ nhất.

5.1. Phương thức tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển: Xét tuyển thẳng; xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét tuyển trên cơ sở kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D05, D06.

5.2. Đợt tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Thuộc tổng chỉ tiêu tuyển sinh ngành Luật kinh tế, được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

5.4. Điều kiện tuyển sinh: Theo Thông báo hằng năm về điều kiện trúng tuyển lớp Chất lượng cao ngành Luật kinh tế của Trường, được công khai trong Đề án tuyển sinh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường. Việc tuyển sinh được thực hiện sau khi thí sinh có kết quả trúng tuyển vào ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội.

5.5. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh các thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Luật kinh tế thông qua việc xét tuyển theo các tiêu chí nhất định được công khai trong Thông báo tuyển sinh hằng năm.

5.6. Thời gian tuyển sinh: Theo thời gian tuyển sinh của Trường và tuyển sinh bổ sung sau khi kết thúc học kỳ thứ nhất hoặc năm thứ nhất.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

6.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (chưa tính học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)

- Thời gian đào tạo: 4 năm. Tùy điều kiện thực tế, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập thông qua việc tích lũy đủ khối lượng kiến thức tối thiểu được quy định cho CTĐT.

6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

- Khối kiến thức bắt buộc : 88 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 68,22 %

- Khối kiến thức tự chọn: 25 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 19,38 %

- Khối kiến thức tốt nghiệp: 16 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 12,40%

a) Khối kiến thức đại cương: 29 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 22,48 % CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 23 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 17,83 % CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 4,65 % CTĐT

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 65,12 % CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 65 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 50,39 % CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: 19 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 14,73 % CTĐT

c) Khối kiến thức tốt nghiệp: 16 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 12,40 % CTĐT, trong đó:

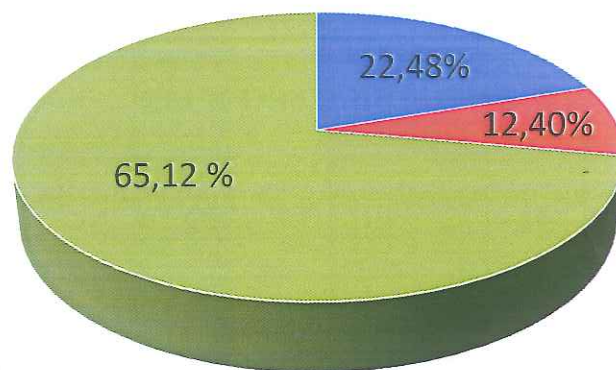
+ Thực tập tốt nghiệp: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 5,42 % CTĐT

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 9 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 6,98%

CTĐT

* Sơ đồ tỷ lệ các khối kiến thức:

TỶ LỆ CÁC KHỐI KIẾN THỨC THEO NỘI DUNG

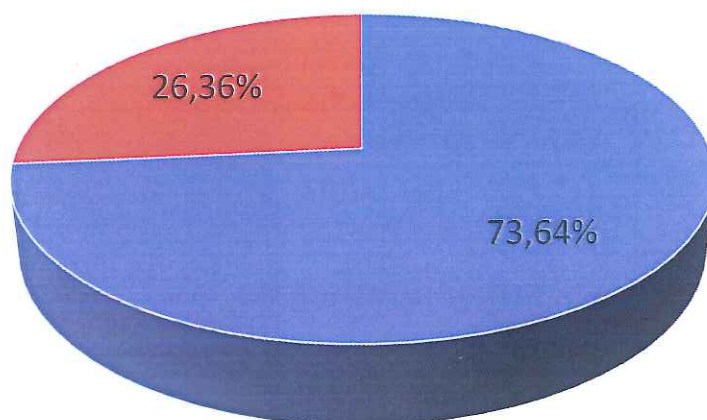


■ Kiến thức đại cương

■ Kiến thức tốt nghiệp

■ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

TỶ LỆ CÁC KHỐI KIẾN THỨC THEO LỰA CHỌN



■ khối kiến thức bắt buộc

■ khối kiến thức tự chọn

6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG: 29 tín chỉ									
1.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG: 23 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lênin	CLCK.ĐB01	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	CLCK.ĐB02	BB	2	16	7	4	3	CLCK.ĐB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLCK.ĐB03	BB	2	16	7	4	3	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLCK.ĐB04	BB	2	16	7	4	3	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02 CLCK.ĐB03
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLCK.ĐB05	BB	2	16	7	4	3	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02 CLCK.ĐB03
6	Tin học	CLCK.ĐB06	BB	2	12	8	5	5	
7	Nghề luật và phương pháp học luật	CLCK.ĐB07	BB	2	12	8	5	5	
8	Tiếng Anh nâng cao	CLCK.ĐB08	BB	3	18	12	8	7	
9	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLCK.ĐB09	BB	2	12	8	5	5	CLCK.ĐB08
10	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLCK.ĐB10	BB	3	18	12	8	7	CLCK.ĐB08 CLCK.ĐB09
1.2. PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 6 tín chỉ									
11	Quản trị doanh nghiệp	CLCK.ĐC01	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB03 CLCK.BB04

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
12	Tài chính học	CLCK.ĐC02	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB03 CLCK.BB04
13	Tâm lý đại cương	CLCK.ĐC03	TC	2	12	8	5	5	
14	Nguyên lý kế toán	CLCK.ĐC04	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB03 CLCK.BB04
15	Xã hội học pháp luật	CLCK.ĐC05	TC	2	12	8	5	5	
16	Logic học	CLCK.ĐC06	TC	2	12	8	5	5	
17	<i>International finance</i> (<i>Tài chính quốc tế</i>)	CLCK.ĐC07	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB03 CLCK.BB04

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 84 tín chỉ

2.1. PHẦN BẮT BUỘC: 65 tín chỉ, gồm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành; thực tập nghề

18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLCK.BB01	BB	3	18	12	8	7	
19	Luật hiến pháp Việt Nam	CLCK.BB02	BB	3	18	12	8	7	
20	Kinh tế vi mô	CLCK.BB03	BB	3	18	12	8	7	
21	Kinh tế vĩ mô	CLCK.BB04	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB03
22	Luật hành chính Việt Nam	CLCK.BB05	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB01 CLCK.BB02
23	Luật dân sự 1	CLCK.BB06	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB01
24	Luật dân sự 2	CLCK.BB07	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB06
25	Luật thương mại 1	CLCK.BB08	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB06

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
26	Luật thương mại 2	CLCK.BB09	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB08
27	Luật tố tụng dân sự	CLCK.BB10	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB07
28	Luật lao động	CLCK.BB11	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB06
29	Luật tài chính	CLCK.BB12	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB05
30	Luật ngân hàng	CLCK.BB13	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB12
31	Luật đất đai	CLCK.BB14	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB05 CLCK.BB06
32	Luật môi trường	CLCK.BB15	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB05
33	Luật cạnh tranh	CLCK.BB16	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB09
34	Luật an sinh xã hội	CLCK.BB17	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB11
35	Luật sở hữu trí tuệ	CLCK.BB18	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB07
36	Luật kinh doanh bất động sản	CLCK.BB19	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB14
37	Luật hình sự 1	CLCK.BB20	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB01
38	Tư pháp quốc tế	CLCK.BB21	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB07
39	International Trade & Business Law (Luật Thương mại quốc tế)	CLCK.BB22	BB	3	18	12	8	7	CLCK.BB09
40	Corporate finance Law (Pháp luật tài chính doanh nghiệp)	CLCK.BB23	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB09 CLCK.BB12

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
41	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	CLCK.BB24	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB02
42	Law on Commercial Arbitration (<i>Pháp luật về trọng tài thương mại</i>)	CLCK.BB25	BB	2	12	8	5	5	CLCK.BB09

2.2. PHẦN TỰ CHỌN: 19 tín chỉ, gồm các học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng (riêng các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh chọn 14 tín chỉ).

2.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành

43	Kinh tế học pháp luật	CLCK.TC01	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB04
44	Pháp luật về lao động đặc thù	CLCK.TC02	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB11
45	Luật hình sự 2	CLCK.TC03	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB20
46	Luật hôn nhân và gia đình	CLCK.TC04	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB07
47	Luật thi hành án dân sự	CLCK.TC05	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB10
48	Luật tố tụng hình sự	CLCK.TC06	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB20 CLCK.TC03
49	Luật đầu tư	CLCK.TC07	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB07 CLCK.BB08
50	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	CLCK.TC08	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB07 CLCK.BB08
51	Xây dựng văn bản pháp luật	CLCK.TC09	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB01

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
									CLCK.BB02 CLCK.BB05
52	Luật kinh doanh bảo hiểm	CLCK.TC10	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB07
53	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	CLCK.TC11	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB21
54	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	CLCK.TC12	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB14
55	Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp	CLCK.TC13	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB08
56	Luật chứng khoán	CLCK.TC14	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB12
57	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	CLCK.TC15	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB07
58	Luật môi trường trong kinh doanh	CLCK.TC16	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB15
59	Pháp luật về quản trị nhân sự tại doanh nghiệp	CLCK.TC17	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB11
60	Công chứng, chứng thực	CLCK.TC18	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB05
61	Pháp luật về quy định nội bộ của các tổ chức tín dụng	CLCK.TC19	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB13
62	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	CLCK.TC20	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB18

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
63	Thi hành án kinh doanh, thương mại	CLCK.TC21	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB10
64	Quan hệ tài sản của vợ chồng trong hoạt động kinh doanh thương mại	CLCK.TC22	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB08
65	Comparative Law (<i>Luật học so sánh</i>)	CLCK.TC23	TC	3	18	12	8	7	CLCK.BB01 CLCK.BB02
66	ASEAN Community Law (<i>Pháp luật cộng đồng ASEAN</i>)	CLCK.TC24	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB24
67	Law on Security Devices (<i>Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</i>)	CLCK.TC25	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB06 CLCK.BB07
68	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	CLCK.TC26	TC	3	18	12	8	7	CLCK.ĐB10
69	Law on real estate business in some countries around the world (<i>Pháp luật về kinh doanh bất động sản của một số nước trên thế giới</i>)	CLCK.TC27	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB19
70	Environmental Law under new-generation free trade agreements (<i>Pháp luật môi trường trong các hiệp định</i>)	CLCK.TC28	TC	1	6	4	3	2	CLCK.BB05

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
	<i>thương mại tự do thế hệ mới</i>)								
71	Law on Competition and Protection of consumers' rights in some countries around the world (<i>Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở một số nước trên thế giới</i>)	CLCK.TC29	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB16
72	International Labour Law (<i>Pháp luật lao động quốc tế</i>)	CLCK.TC30	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB01 CLCK.BB02
73	Terms of credit agreement (<i>Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng</i>)	CLCK.TC31	TC	1	6	4	3	2	CLCK.BB13
74	Fintech Law (<i>Pháp luật về Fintech</i>)	CLCK.TC32	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB13
75	Introduction to company law in the United States, the European Union and England (<i>Giới thiệu về pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, liên minh châu Âu và Anh Quốc</i>)	CLCK.TC33	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB08
76	Introduction to commercial contract	CLCK.TC34	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB09

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
	law in the United States and the European Union (Giới thiệu về pháp luật hợp đồng thương mại tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu)								
77	Law on International Franchising (Luật Nhượng quyền thương mại quốc tế) ¹	CLCK.TC35	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB09 CLCK.ĐB08

2.2.2. Các học phần kỹ năng:

78	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	CLCK.TC36	TC	2	12	8	5	5	
79	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	CLCK.TC37	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB08 CLCK.TC36
80	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	CLCK.TC38	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB11 CLCK.TC36
81	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	CLCK.TC39	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB19 CLCK.TC36
82	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	CLCK.TC40	TC	2	12	8	5	5	CLCK.BB12 CLCK.TC36

¹ Dạy bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt theo lựa chọn của người học

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
83	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	CLICK.TC41	TC	2	12	8	5	5	CLICK.BB08 CLICK.TC36
84	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	CLICK.TC42	TC	2	12	8	5	5	CLICK.BB05 CLICK.TC36
85	Kỹ năng hành nghề môi giới bất động sản, tư vấn và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản	CLICK.TC43	TC	2	12	8	5	5	CLICK.BB19 CLICK.TC36
86	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	CLICK.TC44	TC	2	12	8	5	5	CLICK.BB11 CLICK.TC36
87	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	CLICK.TC45	TC	2	12	8	5	5	CLICK.TC36 CLICK.BB09
88	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế) ²	CLICK.TC46	TC	2	12	8	5	5	CLICK.TC36 CLICK.BB09 CLICK.BB10 CLICK.ĐB08
89	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	CLICK.TC47	TC	2	12	8	5	5	CLICK.TC36 CLICK.ĐB08

² Dạy bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt theo lựa chọn của người học

STT	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
90	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context (Kỹ năng tranh tụng nghề luật)	CLCK.TC48	TC	2	12	8	5	5	CLCK.TC47 CLCK.TC36 CLCK.ĐB08
91	Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, soạn thảo văn bản tư vấn pháp lý trong lĩnh vực thương mại (Legal research, analysis and writing skills in commercial law consulting)	CLCK.TC49	TC	2	12	8	5	5	CLCK.TC36 CLCK.ĐB08 CLCK.BB09

KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ

Viết Khóa luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn; đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thay cho khóa luận tốt nghiệp

1. Đi thực tập chuyên môn có khối lượng bằng 7 tín chỉ (bắt buộc, tương đương 315 giờ thực tập tại cơ sở).
2. Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường (9 tín chỉ).
3. Sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 9 tín chỉ

6.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên theo học chương trình đào tạo CLC ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội được Trường xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân ngành Luật kinh tế - Chương trình đào tạo chất lượng cao khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đáp ứng Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- đ) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Tiến trình đào tạo hệ chính quy VB1: 129 tín chỉ

HỌC KỲ (Tổng số tc)	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
HK1 16 tc	Triết học Mác Lê-nin	CLCK.ĐB01	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Tin học	CLCK.ĐB06	1 – 3	02	Bắt buộc		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLCK.BB01	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Luật Hiến pháp Việt Nam	CLCK.BB02	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Kinh tế vi mô	CLCK.BB03	1-3	03	Bắt buộc		
	Nghề luật và phương pháp học luật	CLCK.ĐB07	1 - 3	02	Bắt buộc		
HK2 18 tc (không tính Giáo dục thể chất)	Kinh tế chính trị Mác Lê-nin	CLCK.ĐB02	1	02	Bắt buộc	CLCK.ĐB01	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLCK.ĐB03	3	02	Bắt buộc	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02	
	Tiếng Anh nâng cao	CLCK.ĐB08	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Kinh tế vĩ mô	CLCK.BB04	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB03	

	Luật hành chính Việt Nam	CLCK.BB05	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB01 CLCK.BB02	
	Luật dân sự 1	CLCK.BB06	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB01	
	Luật hình sự 1	CLCK.BB20	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB01	
	Giáo dục thể chất			03	Bắt buộc		
HK3 18 tc (không tính Giáo dục Quốc phòng-An ninh)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLCK.ĐB05	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02 CLCK.ĐB03	
	Luật dân sự 2	CLCK.BB07	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB06	
	Luật thương mại 1	CLCK.BB08	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB06	
	Luật lao động	CLCK.BB11	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB06	
	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLCK.ĐB09	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.ĐB08	
	Phần tự chọn: Chọn 06 TC thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương		1 – 3	06	Tự chọn		
	Giáo dục Quốc phòng-An ninh			08	Bắt buộc		
HK4 20 tc	Luật thương mại 2	CLCK.BB09	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB08	
	Luật môi trường	CLCK.BB15	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB05	
	Luật tài chính	CLCK.BB12	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB05	

	Luật đất đai	CLCK.BB14	1 - 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB05 CLCK.BB06	
	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLCK.ĐB10	1 - 3	03	Bắt buộc	CLCK.ĐB08 CLCK.ĐB09	
	Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		1,2,3	06	Tự chọn		
HK5 20 tc	Luật ngân hàng	CLCK.BB13	1 - 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB12	
	Luật cạnh tranh	CLCK.BB16	1 - 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB09	
	Law on Commercial Arbitration (<i>Pháp luật về trọng tài thương mại</i>)	CLCK.BB25	1 - 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB09	
	International Trade & Business Law (<i>Luật Thương mại quốc tế</i>)	CLCK.BB22	1 - 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB09	
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CLCK.ĐB04	3	02	Bắt buộc	CLCK.ĐB01 CLCK.ĐB02 CLCK.ĐB03	
	Luật an sinh xã hội	CLCK.BB17	1 - 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB11	
	Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		1,2,3	06	Tự chọn		
HK6 21 tc	Luật tổ tụng dân sự	CLCK.BB10	1 - 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB07	
	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	CLCK.BB24	1 - 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB02	

	Tư pháp quốc tế	CLCK.BB21	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB07	
	Luật sở hữu trí tuệ	CLCK.BB18	1 – 3	03	Bắt buộc	CLCK.BB07	
	Luật kinh doanh bất động sản	CLCK.BB19	1 – 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB14	
	Corporate finance Law (<i>Pháp luật tài chính doanh nghiệp</i>)	CLCK.BB23	1 - 3	02	Bắt buộc	CLCK.BB09 CLCK.BB12	
	Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		1,2,3	07	Tự chọn		
HK7 7 tc	Thực tập chuyên môn		1 – 3	07	Bắt buộc		
	Phần Tự chọn: Chọn số TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp thay thế viết khóa luận nếu không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng		1,2,3				
HK8 09 tc	Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện viết khóa luận theo quy định của Trường.		1 – 3	09	Tự chọn		
	Sinh viên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Trường chọn các học phần đủ 09 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.		1	09	Tự chọn		

7.2. Tiến trình đào tạo hệ chính quy VB2

[Trường chưa đào tạo hệ chính quy VB2 đối với các CTĐT chất lượng cao]